

Số: 01 /2023/NQ-HĐND

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 12 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Khóa XV phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang. Cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các xã và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình (sau đây gọi tắt là Sở, ban ngành và địa phương). Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch, dự toán thực hiện các nội dung thành phần thuộc Chương trình.

3. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

4. Chi tăng cường cơ sở vật chất hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 42/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ một số nội dung giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

5. Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban

hành Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

6. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a) Xúc tiến thương mại

Chi hỗ trợ thuê tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện các nội dung: Xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu dựa trên bảo hộ sở hữu trí tuệ về chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, về nâng cao năng suất chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

Chi Hội thi sản phẩm thủ công Việt Nam gồm các nội dung: Thuê mặt bằng trình diễn sản phẩm; tổ chức hội thi; ăn nghỉ, đi lại. Mức hỗ trợ 100%.

b) Dự án phát triển ngành nghề nông thôn

Nội dung hỗ trợ: Mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia dự án, tổng kết dự án; quản lý dự án.

Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ 50% chi phí dự án nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

c) Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được cấp thẩm quyền công nhận theo quy định, được hỗ trợ trực tiếp một lần 30 triệu đồng/ngành truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống để xây dựng phương án bảo vệ môi trường, làm hồ sơ đề nghị công nhận và tổ chức lễ công bố cho nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

d) Các làng nghề được cấp thẩm quyền công nhận đạt tiêu chí theo quy định, khi xây dựng biển quảng bá, cổng làng nghề gồm biển hiệu, vật liệu xây dựng kiên cố được hỗ trợ 50 triệu đồng/làng nghề cho Ủy ban nhân dân xã.

7. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Cụ thể như sau:

a) Mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương, cụ thể như sau:

Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.

Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp: 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp. Cụ thể như sau:

Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách.

Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách.

Tủ sách ấp: 30 triệu đồng/01 tủ sách.

c) Hỗ trợ: Kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, ấp và kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, ấp. Cụ thể như sau:

Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã 50 triệu đồng/01 năm.

Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp ấp 30 triệu đồng/01 năm.

8. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương bố trí theo phân cấp để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

9. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 12 (chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 4 năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các bộ: NN và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-M.

CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Lê Văn Nung